



Công ty CP may Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Thời gian tổ chức: 8h30 ngày 21 tháng 04 năm 2019

Địa điểm: Nhà hàng Windsor Plaza Lầu 6.

18 An Dương Vương Quận 5, TpHCM



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 04 năm 2019.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Hữu Nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty may Hữu Nghị kính trình Đại hội nội dung qui chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau :

Điều 1. Mục tiêu

1. Hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra và đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng dân chủ, đoàn kết.
3. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài Hội trường), giao tiếp hòa nhã, thân thiện.

Điều 3. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội.

1. Nguyên tắc: theo yêu cầu của chủ tọa Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có in tên, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
2. Cách biểu quyết: với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết.

Điều 4. Thảo luận nội dung họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:



1. Cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp phát biểu đóng góp ý kiến với Đại hội.
2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm, các câu hỏi liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội, mang tính chất đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
3. Các câu hỏi thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty.
4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn tới cổ đông.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ tọa Đại hội

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung của chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do ban Tổ chức Đại hội phân công, làm nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
2. Ban thư ký gồm 01 người do chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm trước chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; ghi chép biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa Đoàn giới thiệu và được Đại hội thông qua, nhiệm vụ kiểm tra và ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử tại Đại hội.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần may Hữu Nghị.

Kính trình Đại hội thông qua .

QUY CHẾ LÀM VIỆC NÀY CÓ HIỆU LỰC THỰC HIỆN NGAY SAU KHI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.

BAN TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Thời gian: Từ 8h30 đến 12h00 ngày 21 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Tại Windsor Plaza Hồ Chí Minh Lầu 6.

Thành phần: Các cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 02 tháng 04 năm 2019.

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h00 – 8h30	Đón tiếp và thẩm tra tư cách đại biểu.	30 phút
8h30 – 8h40	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội.	10 phút
8h40 – 8h55	Khai mạc Đại hội - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội. - Giới thiệu đại biểu. - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội. - Đoàn chủ tịch thông qua Ban thư ký. - Đoàn chủ tịch thông qua chương trình của Đại hội.	15 phút
8h55 – 10h00	- Thông qua báo cáo của Chủ tịch về kết quả thực hiện SXKD năm 2018 và KH SXKD năm 2019. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018. - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018 và KH năm 2019.	65 phút
10h00 – 10h30	Thông qua các tờ trình: - Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. - Trình chi phí thù lao, hoạt động của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2018. - Trình thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2018.	30 phút
10h30 – 10h45	Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát. - Kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019. - Quyết toán tờ trình chi phí hoạt động của hoạt động HĐQT và BKS, thưởng cho HĐQT năm 2018.	15 phút
10h45 – 10h50	Chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2019.	5 phút



Thời gian	Nội dung	Thời lượng
10h50 – 10h55	Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc năm 2019.	5 phút
10h55 – 11h40	Thảo luận và biểu quyết.	45 phút
11h40 – 12h00	Thông qua biên bản Đại hội.	20 phút
12h00	Tuyên bố bế mạc.	5 phút

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





BÁO CÁO

THỰC HIỆN SXKD NĂM 2018 & KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

Tp Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 03 năm 2019.

Nội dung báo cáo gồm:

- Báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 2018.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS năm 2018.
- Thông qua các tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Thông qua các tờ trình khác.

PHẦN 1: THỰC HIỆN SXKD 2018 VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Năm 2018 tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến hết sức phức tạp, cạnh tranh xung đột giữa các nước trên phạm vi toàn cầu hết sức gay gắt. Nổi bật là chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã tác động xấu đến nền kinh tế toàn cầu và có chiều hướng tăng trưởng chậm.
- Kinh tế chính trị nước ta ổn định đạt mức tăng trưởng 7,02%
- Ngành dệt may Việt Nam không ngừng phát triển, kim ngạch xuất khẩu vào các nước đều tăng: đạt 34 tỷ usd.

Trong đó xuất:

Thị Trường	Tỷ usd	Tăng %	So với năm 2017
- Hoa Kỳ	13,90	11,42	12,31
- EU	4,300	10,94	3,829
- Nhật	4,040	22,00	3,151
- Trung Quốc	3,800	13,30	3,290
- Hàn Quốc	3,690	20,25	2,942
- Asian	1,820	20,85	1,440

- Tình hình công ty, nguồn hàng ổn định, cung cấp đủ việc làm trong năm. Kim ngạch xuất khẩu thực tế tăng 36% so với kế hoạch.



Trong đó xuất:

Thị Trường	Usd	So với KH %	So với năm 2017
- Hoa Kỳ	48,092,555	141,4%	135,5%
- Nhật	10.949.887	109,5%	95,3%

- Lao động thường xuyên biến động, tuyển dụng vào không đào tạo kịp để bổ sung lao động nghỉ việc

II. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KH NĂM 2018

1. Thực hiện các chỉ tiêu Xem biểu 01|KH-KDTH
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo chuẩn mực
 - Thực hiện KH SXKD năm 2018, HĐQT đánh giá là hiệu quả, trong khi triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, tác động bởi môi trường cạnh tranh. Song có sự lãnh đạo của HĐQT, Đảng ủy, Ban điều hành và tập thể người lao động, công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội cổ đông đề ra.

3. Kết quả đạt được nổi bật trong năm 2018

- Doanh thu đạt	1.360	tỷ đồng	135 %
- Kim ngạch XK đạt	59	triệu usd	134%
- Lợi nhuận thực hiện	121	tỷ đồng	337%
- Thu nhập người Lđ bình quân	9.925.000	đồng	116%
- Nộp ngân sách	25	tỷ đồng	
- Chia cổ tức thực tế (so với VĐL)	47	%	40%
- Thực hiện các chính sách XH	0.6	tỷ đồng	

- Đảm bảo ổn định giá trị cổ phần (HNI) trên sàn chứng khoán giá từ 36,000 - 40,000 đồng / 1 cổ phiếu.
- Khởi công xây dựng cải tạo mở rộng XN6 giai đoạn 1, dự kiến 50 tỷ đồng và chuẩn bị cho giai đoạn 2: 50 tỷ vào tháng 09/2019.
- Khách hàng đánh giá công ty

Chỉ tiêu	Điểm số	Phân loại
- Phát triển mẫu mã	4	Tốt



- Sản xuất giao hàng đúng hạn	3	Khá
- Chất lượng hệ thống	3	Khá
- Trách nhiệm xã hội	2	Trung Bình

- Tổ chức chương trình thương hiệu Việt đánh giá công ty đạt Top 20 “Thương hiệu nổi tiếng Đất Việt năm 2018”
- Đảm bảo trật tự an ninh chính trị, an toàn phòng cháy chữa cháy trong năm đều tốt không có chuyện gì xảy ra.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HĐQT VÀ BKS

Xem chi tiết các tờ trình:

- Tờ trình số: 01/PPLN 2018 Phương án phân phối lợi nhuận.
- Tờ trình số: 02/PPLN 2018 Trích thưởng cho HĐQT.
- Tờ trình số: 03/CPHQĐT 2018 Chi phí cho HĐQT và BKS.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SXKD 2019

I. NHÂN ĐỊNH CHUNG

1. Theo dự báo năm 2019 tình hình kinh tế chính trị thế giới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế tăng trưởng chỉ đạt 3.7% bằng mức năm 2018, các nền kinh tế lớn có khả năng tăng trưởng chậm và tụt so với năm 2018.

- Mỹ: 2,5% thấp hơn so với năm 2018 là 2,9% (-0,4%)
- Trung Quốc: 6,2% thấp hơn so với năm 2018 là 6,6% (-0,4%)
- EU: 1,9% thấp hơn so với năm 2018 là 2,9% (-1%)

2. Kinh tế nước ta tuy có nhiều thuận lợi song mức đạt dự báo 6,8% do ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ Trung chưa kết thúc.

- Ngành dệt may Việt Nam vẫn phát triển song chưa chủ động được nguồn nguyên vật liệu phải làm gia công CM chiếm 65%.

3. Công ty vẫn duy trì 2 thị trường chính là Mỹ, Nhật và đang mở rộng sang thị trường khác. Nguồn hàng ổn định cho kế hoạch 06 tháng đầu năm và đang đàm phán 06 tháng cuối năm.

- Lao động vẫn biến động để tìm công việc có thu nhập cao, thiếu lao động lành nghề và lao động quản lý.



II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

1. Mục tiêu cơ bản

- Mục tiêu cơ bản của công ty năm 2019 là duy trì được năng lực sản xuất ổn định và có hiệu quả.
- Duy trì cơ cấu tổ chức quản lý gồm
 - Văn phòng công ty: 125 người 06 phòng ban
 - Xí nghiệp 123: 205 người 4 chuyên sản xuất
 - Xí nghiệp 6: 1400 người 28 chuyên sản xuất
 - Xí nghiệp 7: 700 người 15 chuyên sản xuất
 - Xí nghiệp 45: 1300 người 26 chuyên sản xuất
- Duy trì phương thức sản xuất
 - 50% sản xuất FOB để xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU
 - 40% sản xuất gia công hợp tác để xuất khẩu và thị trường Nhật
 - 10% sản xuất vào các thị trường khác.

2. Kế hoạch các chỉ tiêu năm 2019

Xem biểu 01|KH-KDTH.2019

3. Biện pháp thực hiện KH SXKD năm 2019

- Duy trì khách hàng truyền thống Columbia, Sumitex và tìm kiếm khách hàng mới.
- Dự báo thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng 1 lần (kể cả giảm năng lực sản xuất do thiếu lao động).
- Biện pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất đặt lên hàng đầu để thực hiện chiến lược cạnh tranh.
- Đầu tư đổi mới thiết bị chuyên dùng để tăng năng suất lao động từng bước đổi mới công nghệ sản xuất chuyên may, cắt, quản lý công ty theo hướng hiện đại.
- Hoàn thiện việc mở rộng nâng cấp XN6 thực hiện đề án CN xanh và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động (giai đoạn 2) vốn đầu tư 50 tỷ đồng.
- Tổ chức nâng lương cơ bản thu nhập theo chính sách của nhà nước và quy chế của công ty từ 01/01/2019.
- Xây dựng triển khai thực hiện quy chế trả lương thu nhập với mức lương tăng từ 5% đến 10%



- Tổ chức đại hội người lao động năm 2019-2020 trong tháng 05/2019.
- Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hàng hóa cho công nhân làm việc trước tết và sau tết. Chi bổ sung bình quân mỗi người lao động 2,5 tháng lương khoảng 50 tỷ đồng.
- Tăng cường các biện pháp để bảo vệ an ninh, an toàn phòng cháy, chữa cháy toàn công ty.
- Bám sát hoạt động SXKD, phòng chống xử lý các rủi ro phát sinh như chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, trách nhiệm xã hội và đặc biệt là biện pháp quản lý hóa chất trong NVL từ nhà cung cấp NVL gây ra.

PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

I. Đánh giá chung

- Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 12 kỳ
- Nội dung họp HĐQT đề ra các nghị quyết trong từng thời điểm phù hợp với nghị quyết của ĐHCD thường niên hằng năm.
- Ngoài ra HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến hoạt động SXKD, tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường để chỉ đạo, phối hợp ban điều hành thực hiện tốt các nghị quyết đã đề ra.

II. Hoạt động của BKS

Ban kiểm soát 1 quý họp 1 lần và hoạt động theo đúng chức năng của Ban kiểm soát.

III. HĐQT và BKS tự đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ năm 2018.

Đề nghị ĐH phê duyệt chi phí và thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2018.

1. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS (xem tờ trình 03/CP-HĐQT/BKS.2018)
2. Thưởng cho HĐQT về lợi nhuận vượt kế hoạch. (xem tờ trình 02/LNVKH.2018)

IV. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019.

- Tổ chức chuẩn bị cho đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
- Tổ chức định kỳ 1 quý 1 lần và bất thường để giải quyết công việc theo điều lệ, theo nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra.
- Phối hợp với ban điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2019.

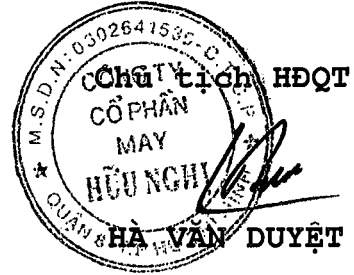


- Tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường hằng năm từ 1 đến 2 lần

Trên đây là toàn bộ cáo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch năm 2019 và tình hình hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty.

Kính mong được sự xem xét, thảo luận, thông qua biểu quyết của Đại hội.

Thay mặt HĐQT và ban điều hành công ty, tôi xin cảm ơn tất cả quý cổ đông đã đóng góp xây dựng để công ty ngày càng phát triển và bền vững.



BÁO CÁO THỰC HIỆN SXKD NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

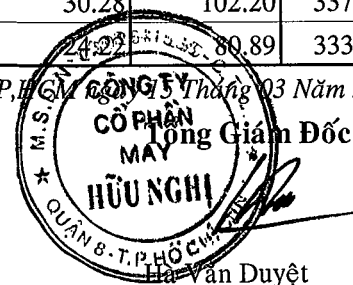
TT	CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh TH/KH năm 2018	Kế hoạch năm 2019
a	b	c	1	2	3=2/1	4
I.	Kim ngạch xuất khẩu	(Usd)	44,000,000	59,042,443	134.2%	46,200,000
1	Xuất FOB		34,000,000	48,092,555	141.4%	35,700,000
2	Xuất gia công		10,000,000	10,949,887	109.5%	10,500,000
II.	Doanh thu	(Tr đ)	1,003,800	1,360,863	135.6%	1,053,990
1	Xuất FOB		771,800	1,095,882	142.0%	810,390
2	Xuất gia công		227,000	251,691	110.9%	238,350
3	Doanh thu khác		5,000	13,290	265.8%	5,250
III.	Sản lượng nhập kho	(Usd)	20,332,868	22,570,006	111.0%	21,349,511
1	Xí nghiệp 123		1,160,768	1,117,607	96.3%	1,218,807
2	Xí nghiệp 6		6,521,947	7,186,989	110.2%	6,848,045
3	Xí nghiệp 7		3,250,152	3,773,103	116.1%	3,412,659
4	Xí nghiệp 45		9,400,000	10,492,307	111.6%	9,870,000
IV.	Lợi nhuận	(Tr đ)				
1	Trước thuế		36,000	121,517	337.5%	37,800
2	Sau thuế		28,800	96,175	333.9%	30,240
V.	Cổ tức					
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20	60	300.0%	20
2	Cổ tức bằng tiền mặt	(Tr đ)	23,778	71,333	300.0%	23,778
Ghi chú: Tỷ lệ chia cổ tức năm 2017 chỉ trong năm 2018 40% và tạm ứng đợt 1 năm 2018 20%						
VI.	Lao động	Người	3,770	3,626	96.2%	3,840
1	Văn phòng công ty		125	133	106.4%	125
2	Xí nghiệp 123		245	231	94.3%	245
3	Xí nghiệp 6		1,400	1,359	97.1%	1,470
4	Xí nghiệp 7		700	658	94.0%	700
5	Xí nghiệp 45		1,300	1,244	95.7%	1,300
VII.	Thu nhập bình quân	Nghìn / người	8,532	9,925	116.3%	9,000
1	Văn phòng công ty		14,466	14,304	98.9%	15,190
2	Xí nghiệp 123		8,751	9,841	112.5%	9,188
3	Xí nghiệp 6		7,051	8,342	118.3%	7,453
4	Xí nghiệp 7		7,325	9,553	130.4%	7,691
5	Xí nghiệp 45		10,224	11,397	111.5%	10,735
VIII.	Đầu tư xây dựng (1-3)	(Tr đ)	50,000	23,129	46.3%	62,000
1	Thiết bị đầu tư đổi mới		12,000	6,185	51.5%	10,000
2	Văn phòng công ty		5,000	1,394	0	5,000
3	Nhà xưởng XN6		30,000	15,550	51.8%	47,000
4	Sửa chữa và phát triển		3,000	-	-	-

Ngày 15 tháng 03 năm 2019
 Ông giám đốc
HỮU NGHỊ
 Ông Phạm Duyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỉ lệ % TH/KH	Kế hoạch năm 2019
A	B	C	1	2	3=2/1	4
A	Tổng số lao động bình quân	người	3,770	3,626	96.18	3,840
B	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Kim ngạch xuất khẩu giá thanh toán	usd	44,000,000	59,042,443	134.19	46,200,000
2	Tổng doanh thu	tr.đ	1,003,800	1,360,863	135.57	1,053,990
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	36,000	121,517	337.55	37,800
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách	tr.đ	7,200	25,342	351.97	7,560
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	28,800	96,175	333.94	30,240
6	Tổng lợi nhuận còn lại để trích các quỹ và chia cổ tức	tr.đ				
	_ Chi cổ tức tỷ lệ 60% trên vốn điều lệ	tr.đ	23,778	71,333	300.00	23,778
	Trong đó: Năm 2017 chi trong năm 2018 tỷ lệ 40%			47,555		
	Ứng đợt 1 năm 2018 tỷ lệ 20%		23,778	23,778	100.00	
	_ Trích quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	2,140		0.00	3,024
	_ Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	tr.đ	2,880		0.00	3,024
7	Thu nhập bình quân (1000đ/người/tháng)		8,532	9,925	116.33	9,000
8	Tổng giá trị đầu tư TSCĐ	tr.đ	50,000	23,129	46.26	62,000
C	Chỉ tiêu tài chính					
I	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (số cuối kỳ)					
1	Tổng tài sản	tr.đ	374,105	578,230	154.56	422,917
	_ Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	tr.đ	298,550	499,291	167.24	329,979
	_ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tr.đ	75,555	78,939	104.48	92,938
2	Tổng nguồn vốn	tr.đ	374,105	578,230	154.56	422,197
	_ Nợ phải trả	tr.đ	188,205	318,692	169.33	199,197
	Trong đó : vay dài hạn	tr.đ				
	_ Nguồn vốn chủ sở hữu	tr.đ	185,900	259,538	139.61	223,000
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn Đ/Lệ)	tr.đ	118,900	118,900	100.00	118,900
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Bố trí cơ cấu tài sản					
	- Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	20.20	13.65	67.60	21.98
	- Tài sản ngắn / tổng tài sản	%	79.80	86.35	108.20	78.02
2	Bố trí cơ cấu vốn					
	- Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	50.31	55.12	109.56	47.18
3	Khả năng thanh toán					
	- Tổng tài sản lưu động / tổng nợ ngắn hạn	lần	1.59	1.57	98.76	1.66
4	Tỉ suất sinh lời					
	- Lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	30.28	102.20	337.55	31.79
	- Lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%		80.89	333.94	25.43

TP, HCM ngày 03 Tháng 03 Năm 2019



Hà Văn Duyệt

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2019
CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

Kính thưa đoàn chủ tịch Đại hội đồng cổ đông.
Kính thưa các quý vị đại biểu.
Kính thưa quý cổ đông.
Kính thưa đại hội.

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty CP May Hữu Nghị
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty CP May Hữu Nghị
- Căn cứ vào luật kế toán, các quy định về chế độ tài chính kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP May Hữu Nghị
- Căn cứ vào kết quả kiểm toán độc lập Báo cáo Tài Chính năm 2018 của công ty CP May Hữu Nghị được thực hiện bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN) lập ngày 01 tháng 03 năm 2019.

Thay mặt Ban kiểm soát báo cáo kết quả giám sát các mặt chiến lược, hoạt động và tài chính của Công ty cổ phần may Hữu Nghị cho báo cáo năm 2018 kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

Nhìn lại một năm qua, công ty cũng đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức: giá cả nguyên vật liệu, nhân công không ổn định, ngoài ra tình hình cạnh tranh trong cùng ngành giữa các công ty trong nước cũng diễn ra gay gắt. Với sự quyết tâm, thống nhất từ HĐQT, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể người lao động vượt qua khó khăn với sự nỗ lực không ngừng, Công ty cổ phần may Hữu Nghị đã đạt được mục tiêu đề ra với những kết quả rất khả quan. Và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao về doanh thu và lợi nhuận.

- Các chỉ tiêu chủ yếu (Theo NQ ĐHĐCĐ):

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2017	NĂM 2018		Tỷ lệ so sánh	
				KH	TH	TH/KH	TH18/TH17
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1	Tổng doanh thu	Tr đ	1.074.180	1.003.800	1.360.862	135,57	126,69
a	Doanh thu thuần	"	1.068.343	1.000.800	1.349.745	134,87	126,34
	Tr đó: DT XN5	"	224.598		242.131		107,81
b	Doanh thu tài chính	"	5.243	2.000	10.401	520,05	198,38
c	Doanh thu khác	"	594	1.000	716	71,60	120,54
2	Tổng chi phí	"	963.255	967.800	1.239.346	128,06	128,66

	Tr.đó:						
a	Chi phí tài chính	"	2.414	2.000	3.141	157,05	130,12
b	Chi phí bán hàng	"	11.679	10.000	14.022	140,22	120,06
c	Chi phí quản lý	"	48.760	40.000	53.485	133,71	109,69
d	Chi phí khác	"	114	500	1.101	220,20	965,79
3	Lợi nhuận trước thuế	"	110.925	36.000	121.516	337,54	109,55
4	Thuế TNDN phải nộp	"	22.739	7.200	30.362	421,69	133,52
5	Thuế TNDN hoãn lại	"	50		-5.020		
6	Lợi nhuận sau thuế	"	88.136	28.800	96.174	333,94	109,12
7	Tỷ suất LNST/Vốn ĐT CSH	%	74,13	30,28	80,89	267,15	109,12
8	Lao động B/Q	ng	3.709	3.770	3.626	96,18	97,76
9	Thu nhập B/Q	ng/đ	8.510	8.532	9.925	116,33	116,63

*** Nhận xét:**

- Doanh thu thuần thực hiện 1.349 tỷ đồng, đạt 134,87% so với kế hoạch năm 2018, tăng 26,34% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế 121,52 tỷ đồng đạt 337,54 % kế hoạch năm 2018, tăng 9,12% so với cùng kỳ năm trước.
- Về tình hình lao động: tình hình lao động không ổn định, Lao động bình quân toàn công ty 3.625 người đạt 96,15 % kế hoạch năm 2018 và đạt 97,74% so với 2017.

II. Tình hình tài chính:

Nhận xét:

- 1 - Tài chính công ty tốt.
- 2 - Công nợ phải thu:

ĐVT: tr.đồng

STT	Khách hàng	31-12-2017 VND	31-12-2018 VND	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3 = 2 - 1	4 = 2 / 1
1	Columbia	100.666	179.376	78.710	178,19
2	Sumitex Việt Nam	13.452	8.241	-5.211	61,26

Công nợ phải thu chủ yếu là công nợ của khách hàng Columbia 179,37 tỷ đồng. Cuối năm không có nợ phải thu khó đòi.

- Hàng tồn kho:

ĐVT : tr.đồng

STT	Nội dung	31-12-2017 VND	31-12-2018 VND	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	2	2	3 = 2 - 1	4 = 2 / 1
1	Nguyên vật liệu	28.652	19.838	-8.814	69,24
2	Công cụ, dụng cụ	24	24	0	100,00
3	Chi phí SXKD dở dang	48.165	37.255	-10.910	77,35

4	Thành phẩm	68.255	45.787	-22.468	67,08
5	Hàng hoá				
6	Hàng gửi bán				
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	145.096	102.904	-42.192	70,92
	<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>				

Nhận xét: Nguyên vật liệu, bán thành phẩm dở dang đang tiếp tục sản xuất. Không có hàng tồn kho chậm luân chuyển. Số dư Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 0 bằng số dư cuối năm 2017.

3. Tiền lương:

triệu đồng

Số dư lương tại thời điểm 31/12/2018 là:

182.522

Trong đó :

- Quỹ lương dự phòng: 88.644
- Chi lương T12/18: VP, XN123, XN6, XN7: 14.964
- Chi lương T13 + phép năm, thưởng: 51.459
- Chi lương kỳ T12/18, lương T13 XN5: 27.455

4. Tình hình đầu tư:

- Trong năm Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị với tổng trị giá : 14.458 tr.đ.
- Công trình cải tạo mở rộng Phân xưởng 4 tại Xí nghiệp may 6 tỉnh Đồng Tháp: Đấu thầu xong và đã khởi công vào tháng 11/2018.

III. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Năm 2018 Hội đồng quản trị đã họp để chỉ đạo và quyết định những nội dung quan trọng thuộc quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT; giám sát chặt chẽ và định hướng cụ thể, các giải pháp kịp thời cho Ban tổng giám đốc, bộ máy tổ chức của Công ty thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018 phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Chuẩn bị và tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2018;

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2017, và chuẩn bị các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Kế hoạch SXKD 2018.

- Lên sàn chứng khoán UPCOM:

Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (hệ thống Upcom) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung: 2.482.100 cp

Giá trị cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung : 24.821.000.000 đ

Ngày giao dịch chính thức cổ phiếu bổ sung 05/02/2018

Tổng Số lượng cp được đăng ký giao dịch: 11.890.000 cp

Tổng giá trị cổ phiếu được đăng ký giao dịch là: 118.900.000.000 đ

2. Về công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc:

- Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định, hoạt động tuân thủ đúng Pháp luật, công tác đầu tư, kể cả công tác nhân sự đào tạo đội ngũ kế thừa.

IV. Những khuyến nghị của Ban kiểm soát:

Năm 2019 sẽ là năm khởi sắc hơn 2018, ngoài khách hàng truyền thống nên nghiên cứu và đa dạng khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường. Nhằm nâng cao hiệu quả đề nghị công ty Đầu tư dây chuyền sản xuất công nghệ cao và tự động hóa, tối ưu hóa sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

V. Hoạt động của Ban Kiểm soát :

1. Thực hiện trong năm:

- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ quý, năm và Báo cáo tình hình SXKD, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT năm 2018.
- Lập và trình Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc tuân thủ Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của ban Giám đốc.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong thời gian tới :

- Các thành viên nhất trí tập trung vào những công tác sau :
- Các thành viên chủ động thực hiện công việc đã được phân công .
 - Chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
 - Xem xét thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình SXKD và hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc định kỳ, quý, năm 2019.
 - Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS với HĐQT và BGD Cty.
 - Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có yêu cầu của HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 – Luật Doanh nghiệp.
 - Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ cty, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là toàn bộ báo cáo Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty.

Ngày 12 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Ban kiểm soát

Trưởng ban



Nguyễn Thị Hằng Nga



Số: 34-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị được lập ngày 01 tháng 03 năm 2019, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0167-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		499.291.125.058	462.471.100.445
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	172.064.704.615	170.855.799.690
1. Tiền	111		132.064.704.615	102.855.799.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	68.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.915.727.847	126.097.434.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	194.859.016.951	125.205.800.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.298.491.100	116.147.704
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	758.219.796	775.486.179
III. Hàng tồn kho	140	V.5	102.904.309.861	145.096.274.916
1. Hàng tồn kho	141		102.904.309.861	145.096.274.916
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.406.382.735	20.421.591.837
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.406.382.735	20.421.591.837
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.939.187.298	77.350.742.937
I. Tài sản cố định	220		46.075.191.566	50.005.509.409
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	37.351.114.866	41.281.432.709
- Nguyên giá	222		210.446.331.106	199.038.289.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.095.216.240)	(157.756.857.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.724.076.700	8.724.076.700
- Nguyên giá	228		9.092.688.950	9.092.688.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(368.612.250)	(368.612.250)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.201.808.841	21.042.418.477
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	22.201.808.841	21.042.418.477
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.662.186.891	6.302.815.051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	5.642.106.797	6.302.815.051
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	5.020.080.094	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		578.230.312.356	539.821.843.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		318.692.040.614	292.646.443.830
I. Nợ ngắn hạn	310		314.409.705.330	288.364.108.546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	41.725.191.461	53.973.025.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	47.873.412.061	61.312.039.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23.739.572.126	17.751.565.761
4. Phải trả người lao động	314		182.522.462.799	136.343.602.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	2.268.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.747.065.610	4.301.478.817
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.802.001.273	14.680.128.867
II. Nợ dài hạn	330		4.282.335.284	4.282.335.284
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	4.282.335.284	4.282.335.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.538.271.742	247.175.399.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	259.538.271.742	247.175.399.552
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.900.000.000	118.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.900.000.000	118.900.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.252.537.494	8.414.910.029
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.396.734.248	119.871.489.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	31.735.972.371
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		72.396.734.248	88.135.517.152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		578.230.312.356	539.821.843.382

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.349.745.091.165	1.068.343.099.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.349.745.091.165	1.068.343.099.321
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.167.596.646.534	900.288.177.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.148.444.631	168.054.922.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.401.494.265	5.242.631.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.140.992.196	2.413.763.275
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		640.951.231	572.714.067
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.022.968.383	11.679.368.145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.484.771.668	48.759.532.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.901.206.649	110.444.889.932
11. Thu nhập khác	31	VI.7	716.729.673	594.771.761
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.101.325.794	114.651.839
13. Lợi nhuận khác	40		(384.596.121)	480.119.922
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121.516.610.528	110.925.009.854
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	30.362.156.374	22.739.390.534
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(5.020.080.094)	50.102.168
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.174.534.248	88.135.517.152
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	7.280	6.468

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019



1988
CÔNG T
NHÀ M
VỤ T
HỮU N
KIỂM T
AM VI
TP. H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.516.610.528	110.925.009.854
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.997.497.188	17.026.854.990
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.313.192.294	70.254.781
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.414.343.173)	(3.112.784.995)
- Chi phí lãi vay	06	640.951.231	572.714.067
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	137.053.908.068	125.482.048.697
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(78.614.404.179)	(44.754.556.518)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	42.191.965.055	(42.982.292.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.423.049.493	62.328.699.974
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	660.708.254	2.237.251.932
- Tiền lãi vay đã trả	14	(640.951.231)	(572.714.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.889.390.534)	(20.966.637.264)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.356.389.652)	(5.938.484.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	83.828.495.274	74.833.316.290
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(13.226.569.709)	(31.411.508.277)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	300.000.000	328.918.096
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2.114.343.173	2.783.866.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.812.226.536)	(28.298.723.282)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.333.400.000)	(28.220.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.333.400.000)	(28.220.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.682.868.738	18.314.193.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	170.855.799.690	152.576.217.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(473.963.813)	(34.610.413)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	172.064.704.615	170.855.799.690

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019



Tổng Giám đốc

Hà Văn Duyệt